

TÁC ĐỘNG CỦA HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ CHẤT LƯỢNG HÀNH CHÍNH CÔNG ĐẾN GIẢM NGHÈO TẠI VIỆT NAM

● TRƯƠNG THANH VŨ

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vai trò quản trị của chính quyền địa phương lên giảm nghèo thu nhập và nghèo tiếp cận đa chiều ở Việt Nam. Chúng tôi kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa quản trị và giảm nghèo, cũng như xem xét liệu tác động của quản trị công lên giảm nghèo có khác nhau ở các tỉnh có trình độ phát triển khác nhau hay không, đồng thời xem xét các kênh tác động riêng lẻ của quản trị công lên giảm nghèo.

Từ khóa: Quản trị công, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), giảm nghèo, hồi quy tác động cố định, hồi quy lượng tử.

1. Giới thiệu

Hiệu quả quản trị của chính quyền địa phương ngày càng được công nhận ở Việt Nam là yếu tố quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Những cải cách mạnh mẽ hơn về quản trị công có thể đưa Việt Nam tiến xa hơn tới các mục tiêu phát triển bền vững khác (CECODES, VFF-CRT, RTA, & UNDP, 2019). Tuy nhiên, trong khi nhiều tỉnh đã có những cải thiện đáng kể trong quản trị công thì các tỉnh khác lại bị tụt về phía sau và chất lượng quản trị giữa các tỉnh cũng không đồng đều (VCCI & USAID, 2016). Tại Việt Nam, một số nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng cấp tỉnh để kiểm định xem liệu chất lượng quản trị công có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế (C. V. Nguyen, Giang, Tran, & Do, 2019), tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người (Ha, 2012), quốc tế hóa, hội nhập (T. V. Nguyen, Le, & Bryant, 2013), hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (Tran, Grafton, & Kompas, 2009), và giảm nghèo (C. V. Nguyen et al., 2019).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa PAPI với giảm nghèo, đồng thời xem xét liệu có sự khác biệt trong tác động của PAPI lên giảm nghèo ở các tỉnh có trình độ phát triển khác nhau hay không, đồng thời xem xét các kênh tác động khác nhau của PAPI lên giảm nghèo tại Việt Nam.

2. Lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm

Khái niệm quản trị công có thể được bắt nguồn từ một nghiên cứu của Bale (1989). Mondiale (1994) coi quản trị là cách thức mà quyền lực được thực thi trong việc quản lý các nguồn lực kinh tế và xã hội của một quốc gia.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm tìm thấy mối quan hệ rất mạnh mẽ giữa quản trị công với tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Kaufmann, Kraay, and Zoido (1999) và Rodrik, Subramanian, and Trebbi (2004) phát hiện mối tương quan thuận giữa quản trị tốt và tăng trưởng kinh tế. Quản trị công tốt có tác động tích cực đến nâng cao mức sống người dân ở các nước đang phát triển (Sáez, 2013). Quản

trị công tốt được coi là điều kiện tiên quyết để cải thiện phúc lợi, giảm nghèo, giảm các thiếu hụt đa chiều khác (Jairo, Nguyen, Tran, & Phung, 2015), (Dollar & Kraay, 2002); là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của quốc gia (Kaufmann et al., 1999), (Rodrik et al., 2004). (Khan, 2007).

Các nghiên cứu của Gerring, Bond, Barndt, and Moreno (2004) và Early and Scott (2010) cho thấy tác động hỗn hợp, phi tuyến của quản trị công đến tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo. Barro (1991) phát hiện trong giai đoạn đầu tăng trưởng kinh tế đi lên cùng với những tiến bộ của quản trị tốt, nhưng sau khi đạt đỉnh cao, tăng trưởng lại giảm cùng với những yêu cầu cải cách quản trị tốt hơn.

Hạn chế của các nghiên cứu kể trên là do đều sử dụng dữ liệu xuyên quốc gia để ước lượng tác động của quản trị công. Trong khi quản trị công là khái niệm rất rộng, đa chiều (Rhodes, 1996) và thực tiễn đo lường chất lượng quản trị giữa các quốc gia là thiếu nhất quán nên khó có thể so sánh với nhau và đòi hỏi một số lượng lớn các chỉ số 'nội dung' từ các nguồn dữ liệu khác nhau (Rodrik et al., 2004), (Kaufmann et al., 1999).

Tại Việt Nam, C. V. Nguyen et al. (2019) đã xem xét chất lượng quản trị và hành chính công (chỉ số PAPI) tác động đến thu nhập bình quân đầu người, bất bình đẳng thu nhập và nghèo đói thu nhập. Sử dụng hồi quy tác động cố định, nghiên cứu cho thấy hiệu quả quản trị và hành chính công tốt hơn giúp cải thiện phân phối thu nhập và giảm nghèo. Tuy nhiên, nghèo thu nhập không thể phản ánh toàn diện các khía cạnh đời sống của người dân. Hơn nữa, cũng có sự khác biệt lớn giữa tỷ lệ nghèo đa chiều và nghèo thu nhập giữa các vùng ở Việt Nam (MOLISA, CAF/VASS, GSO, MDRI, & UNDP, 2018). Do đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn cung cấp bằng chứng thực nghiệm mới về mối quan hệ nhân quả giữa hiệu quả quản trị và chất lượng hành chính công với cả hai thước đo nghèo khác nhau. Đồng thời, khám phá các kênh tác động khác của quản trị công lên nghèo tiếp cận đa chiều tại Việt Nam.

3. Dữ liệu và phương pháp ước lượng

3.1. Nguồn dữ liệu

Chúng tôi sử dụng 2 nguồn dữ liệu chính là: dữ liệu khảo sát PAPI và dữ liệu khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS). Dữ liệu VHLSS được sử dụng để đo tỷ lệ nghèo thu nhập (biến tl-

ngheoINC) và tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều (tl-ngheo). Nghèo tiếp cận đa chiều bao gồm cả thu nhập và các chiều phi tiền tệ phản ánh mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm: y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; và thông tin (MOLISA et al., 2018).

3.2. Phương pháp ước lượng

Để xem xét tác động của PAPI đến giảm nghèo theo trình độ phát triển khác nhau của các tỉnh, chúng tôi sử dụng mô hình ước lượng sau:

$$\text{Quantile} [\ln Y_{i,t}]_0 = \alpha_0 + \beta_0 \ln \text{PAPI}_{i,t-1} + \delta_0 \text{year2018}_i + \gamma_0 X_{i,t} + u_i + v_{i,t} \quad (1)$$

Trong đó:

$Y_{i,t}$: đo lường tỷ lệ nghèo thu nhập và nghèo đa chiều của tỉnh i trong năm t (năm 2016 và 2018).

Biến $\text{PAPI}_{i,t-1}$ là biến trễ 1 năm của PAPI tỉnh i . Việc sử dụng biến trễ PAPI là để tránh vấn đề "quan hệ nhân quả ngược" và giảm thiểu sai lệch nội sinh nếu sử dụng các biến kết quả và biến giải thích trong cùng một năm.

$X_{i,t}$ là các biến giải thích.

Biến year2018_i là biến giả, nhận giá trị bằng 1 cho năm 2018 và bằng 0 cho năm 2016.

Các biến giải thích khác trong phương trình (1) mà không quan sát (đo lường) được phân tách thành 2 phần: u_i thành phần bất biến theo thời gian và $v_{i,t}$ thành phần biến đổi theo thời gian.

Các nghiên cứu của Dollar and Kraay (2002), C. V. Nguyen et al. (2019) cho thấy tác động không đồng nhất của quản trị công lên giảm nghèo tại các tỉnh có cấp độ phát triển khác nhau. Kiểm định tác động của PAPI lên giảm nghèo có khác nhau ở các tỉnh có trình độ phát triển khác nhau hay không, chúng tôi sử dụng kỹ thuật hồi quy lượng tử của José António Machado and Santos Silva (2019), nhằm xem xét tác động tại các điểm khác nhau trong phân phối có điều kiện (Buchinsky, 1994). Kỹ thuật bootstrap 1.000 lần lặp lại khi thực hiện ước lượng (José AF Machado & Silva, 2019).

Thách thức chính trong ước lượng các tham số trong mô hình hồi quy (1) là tính nội sinh của các biến giải thích. Với nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng ước lượng tác động cố định (FEM) để giảm thiểu sai lệch nội sinh. Kỹ thuật FEM cũng giúp loại bỏ sai số do thành phần bất biến theo thời gian, u_i (Wooldridge, 2016). Chúng tôi sử dụng FEM với bộ dữ liệu bảng cân bằng của 63 tỉnh thành các năm 2016, 2018 để ước lượng các tham số của phương trình (1).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Phần này trình bày kết quả các mô hình hồi quy có biến phụ thuộc là tỷ lệ nghèo đa chiều và tỷ lệ nghèo thu nhập theo biến trễ của PAPI tổng hợp và từng chỉ số PAPI ‘nội dung’, cùng với có và không có các biến kiểm soát.

4.1. Tác động của PAPI lên giảm nghèo

Các kết quả hồi quy trường hợp không có các biến kiểm soát (Bảng 1a) là tương tự nhau về mối quan hệ ngược chiều và có ý nghĩa thống kê của biến trễ PAPI tác động lên cả 2 thước đo tỷ lệ nghèo đa chiều (mô hình 1a) và nghèo thu nhập (mô hình 1b), ngoại trừ tại phân phối 75th của tỷ lệ nghèo đa chiều là không có ý nghĩa thống kê. Như vậy, khi không bao hàm các biến kiểm soát, ước lượng FEM tại lượng tử 25th, cho thấy tăng 1 điểm phần trăm điểm PAPI tổng hợp thì tỷ lệ nghèo đa chiều giảm thấp hơn khoảng 2 điểm phần trăm so với mức giảm tỷ lệ nghèo thu nhập (4,5 điểm % so với 6,5 điểm %).

Các kết quả hồi quy trường hợp có các biến kiểm soát được trình bày tại Bảng 1b (mô hình 2a và 2b). Có 4 phát hiện chính:

Thứ nhất, biến trễ PAPI có ảnh hưởng ngược chiều và có ý nghĩa thống kê lên biến tỷ lệ nghèo thu nhập ở cả 2 lượng tử 25th và 75th (p value < 0.1), giống với phát hiện từ nghiên cứu

của C. V. Nguyen et al. (2019), nhưng lại không có ý nghĩa thống kê lên biến tỷ lệ nghèo đa chiều. Điều này có thể là do phương pháp ước lượng lúc này đã kiểm soát được các biến liên quan đến tỷ lệ thiếu hụt trong đo lường nghèo đa chiều như: số thuê bao internet (biến lninternet), số người tham gia bảo hiểm xã hội (biến lnbxh), tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (biến tlvacxin), tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (biến tltnTHPT), diện tích nhà ở kiên cố bình quân đầu người (biến dt nhaBQ).

Thứ hai, các hệ số hồi quy của biến trễ PAPI ở mô hình 2a và 2b đều giảm mạnh so với mô hình 1a và 1b. Điều này cũng có thể giải thích là do mô hình ước lượng 2a, 2b đã bao gồm nhiều biến kiểm soát, nhờ đó loại bỏ được (hay là tách biệt được) tác động của các biến kiểm soát lên biến tỷ lệ nghèo, khi đó tác động của biến trễ PAPI lên biến tỷ lệ nghèo mới trở nên “rõ ràng hơn”, và biểu hiện qua độ lớn của hệ số hồi quy đã giảm mạnh. Cụ thể, khi tăng 1 điểm phần trăm của điểm PAPI tổng hợp thì tỷ lệ nghèo thu nhập chỉ giảm 1,8 điểm nếu đưa vào các biến kiểm soát (tại mô hình 1b), so với giảm đến 6,5 điểm nếu không có bất kỳ biến kiểm soát nào (mô hình 2b).

Bảng 1a. Kết quả hồi quy tác động lên biến tỷ lệ nghèo của PAPI tổng hợp

VARIABLES	Mô hình 1a		Mô hình 1b	
	Biến nghèo đa chiều ln _t ngheo		Biến nghèo thu nhập ln _t ngheoINC	
	25 th quantile	75 th quantile	25 th quantile	75 th quantile
lnlagPAPI	-4.522*	-4.299	-6.517***	-6.346***
	(2.635)	(2.652)	(2.278)	(2.292)
year2018	-0.276***	-0.221**	-0.141	-0.0781
	(0.0909)	(0.0902)	(0.115)	(0.113)
Constant	17.76*	17.82*	24.78***	24.83***
	(9.474)	(9.468)	(8.175)	(8.171)
Observations	126	126	126	126

Standard errors in parentheses

*** p<0.01, ** p<0.05, * p<0.1

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu PAPI giai đoạn 2015-2018 và VHLSS 2016-2018

Bảng 1b. Kết quả hồi quy tác động lên biến tỷ lệ nghèo của PAPI tổng hợp

VARIABLES	Mô hình 2a		Mô hình 2b	
	Biến nghèo đa chiều Intngheo		Biến nghèo thu nhập IntngheoINC	
	25 th quantile	75 th quantile	25 th quantile	75 th quantile
InlagPAPI6	-1.493 (1.131)	-1.493 (1.131)	-1.831* (1.094)	-1.831* (1.094)
year2018	-0.286** (0.119)	-0.286** (0.119)	-0.268** (0.124)	-0.268** (0.124)
Indnghiep	-0.212 (0.288)	-0.212 (0.288)	-0.123 (0.258)	-0.123 (0.258)
Indanso	0.0161 (0.450)	0.0162 (0.450)	-0.0372 (0.443)	-0.0371 (0.443)
tlstdothi	-0.0109 (0.0081)	-0.0088 (0.0080)	-0.0169** (0.0072)	-0.0125* (0.0071)
Inchidt	0.0289 (0.132)	0.0291 (0.132)	0.0587 (0.131)	0.0590 (0.131)
Inchitx	0.898*** (0.312)	0.899*** (0.312)	0.997*** (0.299)	0.997*** (0.299)
Inbanlehhdv	-0.264 (0.196)	-0.264 (0.196)	-0.313 (0.202)	-0.313 (0.202)
Ininternet	-0.0493 (0.0624)	-0.0491 (0.0624)	-0.104* (0.0624)	-0.104* (0.0624)
Inbhxx	-0.700*** (0.233)	-0.699*** (0.233)	-0.633*** (0.187)	-0.633*** (0.187)
tlvaccin	-0.0203 (0.0134)	-0.0183 (0.0134)	-0.0146 (0.0124)	-0.0121 (0.0124)
tltnTHPT	-0.0079 (0.0148)	-0.0063 (0.0148)	0.0055 (0.0147)	0.0074 (0.0148)
dtthaBQ	-0.0215* (0.0128)	-0.0216* (0.0128)	-0.0318** (0.0127)	-0.0315** (0.0127)
Inhklc	0.109 (0.103)	0.109 (0.103)	0.0184 (0.0826)	0.0187 (0.0826)
Inhhlc	-0.106 (0.0906)	-0.106 (0.0906)	-0.0472 (0.0719)	-0.0470 (0.0719)
Constant	10.56** (4.997)	10.56** (4.997)	9.189** (4.007)	9.189** (4.007)
Observations	126	126	126	126

Standard errors in parentheses

*** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu PAPI giai đoạn 2015-2018 và VHLSS 2016-2018

Thứ ba, một khi kiểm soát được các biến giải thích liên quan đến các thiếu hụt tiếp cận trong đo lường nghèo đa chiều thì mức độ tác động lên tỷ lệ nghèo đa chiều là khá bằng nhau giữa 2 lượng tử 25th (tỉnh ít nghèo hơn) và 75th (tỉnh nghèo hơn). Điều này hoàn toàn khác so với nghiên cứu của C. V. Nguyen et al. (2019), theo đó, PAPI có tác động lớn hơn tại lượng tử 75th so với lượng tử 25th.

Thứ tư, một khi kiểm soát được các biến giải thích trong mô hình ước lượng, như nghiên cứu này chúng tôi nỗ lực đưa thêm các biến thể hiện khác biệt về kinh tế vĩ mô giữa các tỉnh như: số lượng doanh nghiệp (biến Indnghiep), tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (biến Inbanlehhdv), số lượt hành khách luân chuyển (biến Inhklc), khối lượng hàng hóa luân chuyển (biến Inhhlc) thì mức giảm nghèo do tác động từ PAPI là gần tương đồng nhau ở lượng tử 75th (hệ số beta cùng là -1.8), nhưng cao hơn ở lượng tử 25th (-1.8 so với -1.3) so với phát hiện của C. V. Nguyen et al. (2019).

4.2. Tác động của chỉ số PAPI ‘nội dung’ lên giảm nghèo

Kết quả các ước lượng của từng chỉ số PAPI ‘nội dung’ tác động đến tỷ lệ nghèo thu nhập và tỷ lệ nghèo đa chiều cho thấy,

trong 6 chỉ số ‘nội dung’ cấu thành nên điểm PAPI tổng hợp, chỉ có chỉ số “nội dung” Cung ứng dịch vụ công (biến lagPAPI6) tác động có ý nghĩa thống kê (p value < 0.01) lên tỷ lệ nghèo thu nhập và tỷ lệ nghèo đa chiều. Theo đó, tăng 1 điểm % điểm cung ứng dịch vụ công, thông qua chỉ số “thành phần” như: y tế công lập, dịch vụ giáo dục tiểu học công lập, dịch vụ cung ứng cơ sở hạ tầng căn bản, sẽ làm giảm 3,6 điểm % tỷ lệ nghèo thu nhập (mô hình 3b), nhưng chỉ giảm 3 điểm % tỷ lệ nghèo đa chiều (mô hình 3a). (Bảng 2)

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Sử dụng dữ liệu bảng cấp tỉnh, phương pháp ước lượng tác động cố định lượng tử, chúng tôi củng cố bằng chứng thực nghiệm về tác động của hiệu quả quản trị và chất lượng hành chính công lên giảm nghèo thu nhập nhưng không tìm thấy bằng chứng tác động như vậy lên giảm nghèo tiếp cận đa chiều ở Việt Nam. Nghiên cứu cũng kiểm định các chỉ số ‘nội dung’ khác nhau của quản trị công có thể ảnh hưởng đến giảm nghèo của địa phương. Dù vậy, tác động lên giảm nghèo có ý nghĩa thống kê chỉ thấy ở chỉ số PAPI “nội dung” thứ 6 (chỉ số Cung ứng dịch vụ công), trong khi 5 chỉ số khác thì không. Hàm ý là, việc thực thi tốt các biện pháp Cung ứng dịch vụ công, bao gồm:

Bảng 2. Kết quả hồi quy tác động lên tỷ lệ nghèo của chỉ số PAPI ‘nội dung’ thứ 6

VARIABLES	Mô hình 3a		Mô hình 3b	
	Biến nghèo đa chiều Intingheo		Biến nghèo thu nhập IntingheoINC	
	25 th quantile	75 th quantile	25 th quantile	75 th quantile
lnlagPAPI6	-3.075*** (1.016)	-3.075*** (1.016)	-3.629*** (1.013)	-3.629*** (1.013)
year2018	-0.273** (0.114)	-0.273** (0.114)	-0.241** (0.121)	-0.241** (0.121)
lndnghiep	-0.188 (0.289)	-0.188 (0.289)	-0.0988 (0.253)	-0.0985 (0.253)
lndanso	0.0393 (0.444)	0.0394 (0.444)	0.0129 (0.404)	0.0131 (0.404)
tltdsdothi	-0.00906 (0.00691)	0.00304 (0.00688)	-0.0140** (0.00625)	-0.0101* (0.00607)
lnchidt	0.0503 (0.122)	0.0501 (0.122)	0.0844 (0.116)	0.0846 (0.116)
lnchitx	0.776** (0.305)	0.776** (0.305)	0.821*** (0.280)	0.821*** (0.280)
lnbanlehhdv	-0.253 (0.202)	-0.252 (0.202)	-0.319* (0.187)	-0.319* (0.187)
lninternet	-0.0520 (0.0610)	-0.0528 (0.0610)	-0.106* (0.0608)	-0.106* (0.0608)
lnbxxh	-0.710*** (0.217)	-0.710*** (0.217)	-0.632*** (0.174)	-0.632*** (0.174)
tlvaccin	-0.0255* (0.0141)	-0.0251* (0.0141)	-0.0200* (0.0120)	-0.0182 (0.0120)
tltnTHPT	-0.00968 (0.0130)	-0.00997 (0.0130)	0.00364 (0.0114)	0.00454 (0.0114)
dt nhaBQ	-0.0200 (0.0129)	-0.0211 (0.0129)	-0.0292** (0.0128)	-0.0287** (0.0128)
lnhklc	0.102 (0.102)	0.102 (0.102)	0.0149 (0.0726)	0.0153 (0.0726)
lnhhlc	-0.0949 (0.0872)	-0.0936 (0.0872)	-0.0385 (0.0702)	-0.0382 (0.0702)
Constant	12.25*** (3.714)	12.25*** (3.714)	11.21*** (3.109)	11.21*** (3.109)
Observations	126	126	126	126

Standard errors in parentheses
 *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu PAPI giai đoạn 2015-2018 và VHLSS 2016-2018

cung ứng y tế công lập để tăng độ bao phủ của bảo hiểm y tế, cải thiện điều kiện giao thông sẽ góp phần giảm nghèo, cải thiện các thiếu hụt khác trong nghèo tiếp cận đa chiều.

Sử dụng phương pháp hồi quy lượng tử, chúng tôi phát hiện mới rằng tác động của hiệu quả

quản trị và hành chính công tốt đối với giảm nghèo là khá như nhau giữa các tỉnh có trình độ phát triển khác nhau. Nói cách khác, các tỉnh giàu, nghèo khác nhau đã có xu hướng hội tụ lại trong việc cải thiện hiệu quả quản trị và hành chính công so với trước đây ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bale, M. (1989). *From crisis to sustainable growth-sub Saharan Africa: A long-term perspective study*. Washington DC: World bank.
2. Barro, R. J. (1991). Economic growth in a cross section of countries. *The quarterly journal of economics*, 106(2), 407-443.
3. Buchinsky, M. (1994). Changes in the US wage structure 1963-1987: Application of quantile regression. *Econometrica: Journal of the Econometric Society*, 405-458.
4. CECODES, VFF-CRT, RTA, & UNDP. (2019). *Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2018*.
5. Dollar, D., & Kraay, A. (2002). Growth is Good for the Poor. *Journal of economic growth*, 7(3), 195-225.
6. Early, L., & Scott, Z. (2010). *Assessing the evidence of the impact of governance on development outcomes and poverty reduction*. Issues Paper by International Development Department, University of Birmingham, Birmingham.
7. Gerring, J., Bond, P., Barndt, W. T., & Moreno, C. (2004). Democracy and economic growth: A historical perspective. *World Policy*, 57, 323.
8. Ha, T. T. (2012). Identifying the public administration reform performance through the lens of provincial competitiveness index and GDP per capita in Vietnam. *Modern Economy*, 3(1), 11–15.
9. Jairo, A.-A., Nguyen, C., Tran, A., & Phung, T. (2015). The urban-rural gap in governance and public administration: Evidence from Vietnam. *International Public Management Review*, 16(1), 165-191.
10. Kaufmann, D., Kraay, A., & Zoido, P. (1999). *Governance matters*. World Bank policy research working paper (2196).
11. Khan, M. H. (2007). *Governance, economic growth and development since the 1960s*. Background Paper for the World Economic and Social Survey 2006, New York: UNDESA.
12. Machado, J. A., & Santos Silva, J. (2019). *XTQREG: Stata module to compute quantile regression with fixed effects*. Statistical Software Components S458523. Boston College Department of Economics.
13. Machado, J. A., & Silva, J. S. (2019). Quantiles via moments. *Journal of Econometrics*, 213(1), 145-173.
14. MOLISA, CAF/VASS, GSO, MDRI, & UNDP. (2018). *Báo cáo nghèo đa chiều ở Việt Nam*.
15. Mondiale, B. (1994). *Governance: the World Bank's experience*: World Bank.
16. Nguyen, C. V., Giang, L. T., Tran, A. N., & Do, H. T. (2019). Do good governance and public administration improve economic growth and poverty reduction? The case of Vietnam. *International Public Management Journal*, 1-27.
17. Nguyen, T. V., Le, N. T., & Bryant, S. E. (2013). Sub-national institutions, firm strategies, and firm performance: A multilevel study of private manufacturing firms in Vietnam. *Journal of World Business*, 48(1), 68-76.
18. Rhodes, R. A. W. (1996). The new governance: Governing without government. *Political studies*, 44(4), 652-667.

19. Rodrik, D., Subramanian, A., & Trebbi, F. (2004). Institutions rule: The primacy of institutions over geography and integration in economic development. *Journal of economic growth*, 9(2), 131-165.
20. Sáez, L. (2013). *Methods in governance research: A review of research approaches*. ESID Working Paper No. 17. School of Oriental and African Studies. Manchester, UK.
21. Tran, T. B., Grafton, R. Q., & Kompas, T. (2009). Institutions matter: The case of Vietnam. *The Journal of Socio-Economics*, 38(1), 1-12.
22. VCCI, & USAID. (2016). *The Provincial Competitiveness Index (PCI) 2016*. Viet Nam Chamber of Commerce and Industry and United States Agency for International development: Ha Noi, Viet Nam.
23. Wooldridge, J. M. (2016). *Introductory econometrics: A modern approach*. Manson, WA: Cengage Learning.

Ngày nhận bài: 7/8/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/8/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 27/8/2020

Thông tin tác giả:

TRƯƠNG THANH VŨ

Trung tâm Nghiên cứu kinh tế miền Nam

Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

IMPACTS OF THE PUBLIC GOVERNANCE AND PUBLIC ADMINISTRATION PERFORMANCE ON THE POVERTY REDUCTION IN VIETNAM

● **TRUONG THANH VU**

Centre for Southern Economic Research
Vietnam Institute for Development Strategies,
Ministry of Planning and Investment

ABSTRACT:

This study provides empirical evidences on the role of local authorities' governance in reducing income poverty and multidimensional poverty in Vietnam. This study examines the causal relationship between the governance and the poverty reduction and also tests whether the impact of public governance on poverty reduction differ across provinces with different levels of development. In addition, this study examines the impacts of individual channels of public governance on the poverty reduction.

Keywords: Public governance, Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI), poverty reduction, fixed-impact regression, quantum regression.